

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 9 - 2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Sầm Thị Tươi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Úc Trai

2. Ông Nguyễn Quang Lai.

**-Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:** Ông Lù Xuân Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Giàng Thị D, sinh năm 1996

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C, xã C1, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ đề Tòa án liên hệ: Thôn M, xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

**2. Bị đơn:** Anh Thào A S2, sinh năm 1994

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C, xã C1, huyện S, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2022, bản tự khai ngày 06/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Giàng Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị D và anh Thào A S2 tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 6/2016, không đăng ký kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Đến ngày 01/6/2017 anh chị mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật

tại Ủy ban nhân dân xã C1, huyện S, tỉnh Lào Cai. Anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S2 mải chơi, không chịu tu chí làm ăn, lấy tài sản của gia đình đi bán và thường xuyên đánh đập chị D. Chị D và họ hàng nhà chồng đã khuyên bảo anh S2 nhiều lần nhưng anh S2 không thay đổi mà vẫn mải chơi, không quan tâm đến vợ con. Anh S2 thường xuyên đi đâu cả tuần không ai biết, khi về nhà lại đánh chị D vô cớ. Tuy nhiên chị D cũng không báo chính quyền địa phương giải quyết vì xấu hổ. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên từ tháng 9/2021 chị D đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn M, xã Q, huyện S sinh sống đến nay; anh S2 có đến gọi chị D về nhà 1 lần nhưng chị D không đồng ý về. Tháng 01/2022, vì thương con nên chị D đã quay về chung sống cùng anh S2, sau đó vợ chồng cùng xuống Bắc Giang làm việc; tuy nhiên anh S2 vẫn không thay đổi tính nết, vẫn mải chơi. Từ cuối tháng 02/2022 đến nay vợ chồng chị đã sống ly thân, không quan tâm tình cảm gì đến nhau nữa. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thảo A S2 để ổn định cuộc sống của chị.

- Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống chị Giàng Thị D và anh Thảo A S2 có hai người con chung là cháu Thảo Bình A, sinh ngày 03/4/2017 và cháu Thảo Linh C3, sinh ngày 20/9/2019. Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu Thảo Bình A và cháu Thảo Linh C3 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Điều kiện nuôi con: Chị D là lao động tự do công việc chính là trồng trọt, chăn nuôi và đi làm thuê thu nhập trung bình 1 tháng được 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) đủ điều kiện nuôi con; bản thân anh S2 thu nhập chỉ đảm bảo cuộc sống tối thiểu của anh S2.

Kèm theo đơn khởi kiện chị Giàng Thị D đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của chị là có căn cứ và hợp pháp.

## 2. Ý kiến của bị đơn anh Thảo A S2:

Tại bản tự khai ngày 03/7/2022 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Thảo A S2 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Thảo A S2 và chị Giàng Thị D tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 6/2016. Đến ngày 01/6/2017 anh chị mới đăng ký kết hôn tại UBND xã C1, huyện S, tỉnh Lào Cai. Anh chị chung sống hạnh phúc được 1 thời gian đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S2 mải chơi, ít quan tâm đến vợ con. Chị D và anh em họ hàng nhà anh S2 có khuyên giải nhiều lần nhưng anh S2 không thay đổi. Khi anh S2 đi chơi về nhà và chị D có khuyên nhưng do quá bức xúc nên anh S2 có chửi và đánh đập chị D. Vì lý do trên nên chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 9/2021. Sau đó anh S2 có hối hận gọi chị D về, đến tháng 01/2022 vợ chồng cùng nhau đi xuống Bắc Giang làm việc, được một thời gian lại phát sinh mâu thuẫn, nên đã sống ly thân đến nay. Nay anh S2 xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, chị D có yêu cầu ly hôn nhưng anh S2 không

đồng ý. Nay anh S2 đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để hai vợ chồng quay về chung sống với nhau cùng nhau chăm sóc các con như bình thường.

Về nuôi con khi hôn: Quá trình chung sống anh Thảo A S2 và chị Giàng Thị D có hai người con chung là cháu Thảo Bình A, sinh ngày 03/4/2017 và cháu Thảo Linh C3, sinh ngày 20/9/2019. Trường hợp phải ly hôn về con chung anh S2 không đề nghị giải quyết và đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật,

Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hòa giải được do chị D đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

### 3. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

#### 3.1. Về tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý đúng quy định các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các Điều 93 đến Điều 97. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203, 233.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

3.2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 56; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Giàng Thị D, xử cho chị Giàng Thị D được ly hôn với anh Thảo A S2.

- Về con chung: Giao cháu Thảo Bình A, sinh ngày 03/4/2017 và cháu Thảo Linh C3, sinh ngày 20/9/2019 cho chị Giàng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Thảo A S2 không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định Pháp luật.

3.3. Những yêu cầu, kiến nghị phục vi phạm: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục Tố tụng: Chị Giàng Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Thảo A S2 có địa chỉ nơi cư trú: Thôn C, xã C1, huyện S, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hợp lệ, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Giàng Thị D và anh Thảo A S2 là hợp pháp. Quá trình anh chị chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn thì chị D và anh S2 cùng xác nhận là do anh S2 mãi chơi, ít quan tâm đến vợ con. Chị D và anh em họ hàng nhà anh S2 có khuyên giải nhiều lần nhưng anh S2 không thay đổi. Khi anh S2 đi chơi về nhà và chị D có khuyên nhưng do quá bức xúc nên anh S2 có chửi và đánh đập chị D. Vì lý do trên nên chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 9/2021; sau đó anh S2 có hối hận gọi chị D về, đến tháng 01/2022 vợ chồng cùng nhau đi xuống Bắc Giang làm việc, được một thời gian lại phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ tháng cuối tháng 02/2022 đến nay, không quan tâm tình cảm gì đến nhau nữa. Mâu thuẫn giữa chị D và anh S2 cũng đã được chính quyền địa phương xác nhận (Bút lục 37). Anh S2 đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng quay về chung sống với nhau cùng nhau chăm sóc các con như bình thường; tuy nhiên khi Tòa án ra thông báo tiến hành hòa giải vụ án thì anh S2 lại vắng mặt không có lý do. Tình trạng hôn nhân giữa chị Giàng Thị D và anh Thảo A S2 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S2 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống chị Giàng Thị D và anh Thảo A S2 có hai người con chung là cháu Thảo Bình A, sinh ngày 03/4/2017 và cháu Thảo Linh C3, sinh ngày 20/9/2019. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị D. Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu Thảo Bình A và cháu Thảo Linh C3 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh Thảo A S2 đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, từ khi anh chị sống ly thân đến nay thì cháu An và cháu Chi do chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; chị D là lao động tự do công việc chính là trồng trọt, chăn nuôi và đi làm thuê thu nhập trung bình 1 tháng được 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); bản thân anh S2 thu nhập chỉ đảm bảo cuộc sống tối

thiếu của anh S2; tại địa phương thì chi phí nuôi một cháu bé khoảng 1.000.000 đồng/tháng; đã được địa phương xác nhận (Bút lục 37). Vì vậy cần tiếp tục giao cháu Thảo Bình A và cháu Thảo Linh C3 cho chị Giàng Thị D nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Do chị D và anh S2 không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: chị Giàng Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Giàng Thị D và anh Thảo A S2. Quan hệ hôn nhân của chị Giàng Thị D và anh Thảo A S2 được chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Thảo Bình A, sinh ngày 03/4/2017 và cháu Thảo Linh C3, sinh ngày 20/9/2019 cho chị Giàng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Thảo Bình A và cháu Thảo Linh C3 đủ 18 tuổi. Anh Thảo A S2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Giàng Thị D phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006917 ngày 06/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai. Chị Giàng Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện S (2);
- CCTHADS huyện S;
- UBND xã C1,  
huyện S, tỉnh Lào Cai.
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, TQĐ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Sầm Thị Tươi**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Quang Hùng**

**Hoàng Thị Dín**

**Sầm Thị Tươi**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện S (2);
- CCTHADS huyện S;
- UBND xã Thào Chư Phìn,  
huyện S, tỉnh Lào Cai.
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, TQĐ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Sầm Thị Tươi**